

SỐ 1716

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH HUYỀN NGHĨA

QUYỂN 1
(THƯỢNG)

Trong đây được trình bày theo một hệ thống của năm chương như sau:

1. Giải thích tên.
2. Biện minh về thể.
3. Nói rõ tôn chỉ.
4. Luận về dụng.
5. Phán quyết giáo.

Trong việc giải thích năm chương này thì có thông và biệt. (Chung và riêng) Thông là nghĩa đồng còn biệt là nghĩa khác. Do năm chương này giải thích khắp ở các kinh cho nên nói là đồng. Do việc giải thích từng tên có khác và phán quyết các giáo cũng khác cho nên mới nói là “biệt”. Theo thông lệ của các kinh thì ban đầu đều an lập năm sự tức là với nghĩa đồng. Nếu nói rõ sự việc khác thì “như vậy” là khác, “tôi nghe”: Người khác, “một thời” là cảm ứng khác, “Phật ở” là xứ sở khác; gần ấy thính chúng khác tức là nghĩa riêng biệt. Lại nữa thông là nghĩa chung còn biệt là nghĩa riêng. Thông và biệt này đều ở tại một bộ. Thông là có bảy lần cùng giải thích còn biệt là có năm lớp nói riêng... Ví như lợi căn và độn căn thì phải có hai môn rộng nói và lược nói. Các giáo thông và biệt nay không bàn luận nhưng thông và biệt thuộc một bộ kinh thì nay sẽ biện rõ.

Căn cứ ở thông thì tạo ra bảy loại cùng chung giải thích:

1. Nêu ra chương.
2. Dẫn chứng.
3. Sanh khởi.
4. Khai và hợp.
5. Giản lược.
6. Quán tâm.
7. Hiểu biết khác.

Nêu ra chương cú thì dễ “dàng nhớ giữ” mà khởi tâm niệm. Dẫn chứng là căn cứ vào lời Phật để khởi tín tâm. Sanh khởi là không có tạp loạn mà khởi định tâm. Khai hợp, giản lược và hiểu biết khác nghĩa là khởi tuệ tâm. Quán tâm tức là nghe rồi liền thực hành khởi tâm tinh tấn. Năm tâm này thiết lập nên năm căn, dẹp bỏ năm chương và thành tựu năm lực cho đến nhập vào ba môn giải thoát. Lược nói bảy thứ trùng nghĩa với ý như vậy. Còn rộng giải thích về năm chương tức là mỗi chương đều khởi năm tâm và năm căn nhằm khai mở, chỉ ra, khiến ngộ và nhập vào tri kiến của Phật.

I. NÊU RA CHƯƠNG: có năm:

Chương nêu ra tên gọi có bốn: Lập, Phân biệt, Tổng kết và Thí dụ.

Lập tên gọi là nguyên nơi bậc Thánh thiết lập tên. Vì khai mở sâu xa, dẫn tiến về nơi khởi thủy đều khiến cho được nhìn thấy, nghe được, đều được nghe, tiếp xúc truy lần theo dấu vết, hương đến chỗ xa xăm cùng tốt. Cho nên dùng tên gọi đặt cho pháp, thiết lập cho chúng sanh. Phân biệt là bởi vì pháp có thô và diệu, nếu ngăn cách, trải qua ba đế là pháp thô, viên dung ba đế là diệu. Diệu đế này vốn hiện hữu cho nên văn kinh nói rằng: “Pháp ấy trụ ngôi pháp, thế gian tướng thường trụ, chỉ có ta biết tướng ấy và mười phương Phật cũng thế, còn chẳng phải hàng Bồ-tát bất thối và người chứng nhị thừa biết đến hướng hồ là người, trời và loại chúng sanh mê muội”. Phật tuy biết diệu đế nhưng không cần nói ngay, vì thế văn kinh nói: Ta nếu khen ngợi Phật thừa thì chúng sanh sẽ chìm đắm trong khổ não, hủy báng pháp, không tin mà phải đọa vào ba đường ác”. Thế cho nên, giáo ban đầu Kiến lập nên hai phạm trù viên dung và không viên dung là vì hàng Tiểu thừa đều không thể nghe hiểu pháp viên dung được. Giáo tiếp theo Kiến lập pháp không viên dung là do người có căn cơ Đại thừa không dùng đến. Kế tiếp giáo đều được Kiến lập viên dung mà bỏ đi sự không viên dung khiến Tiểu thừa sanh tâm hổ thẹn bỏ pháp không viên dung mà hâm

mộ pháp viên dung. Kế tiếp nữa, giáo được Kiến lập khiến hàng Tiểu thừa ký thác nơi pháp viên dung đồng thời hướng đến pháp không viên dung và khiến hàng Đại thừa từ pháp không viên dung mà hướng đến viên dung. Tuy các pháp được thiết lập thực thi ở chúng sanh nhưng đó là thuận theo tâm ý của chúng sanh chứ chẳng phải bản nguyện, mong mỏi của Phật. Cho nên nói “không cần nói ngay”. Nay kinh đích thực thẳng thắn bỏ pháp không viên dung chỉ nói pháp viên dung tức khiến cho đồng nhất tòa ngồi (đạo quả) đồng một vị đạo, đó mới chính là xứng hợp với bản nguyện mong mỏi của Như Lai xuất thế. Vì thế kinh này được gọi tên là Diệu.

Tổng kết tức là: Nên biết giáo Hoa Nghiêm là “Kiêm” (Thanh-văn và Bồ-tát), giáo Tam Tạng là “Chỉ” (chỉ riêng Thanh-văn), giáo Phương đẳng là “Đối” (đối trị Thanh-văn) và giáo Bát-nhã là “Đới” (Bồ-tát mang phương tiện). Kinh Pháp Hoa này không có Kiêm, Chỉ, Đối và Đới, mà chỉ nêu ra đạo vô thượng chánh trực cho nên gọi là Diệu pháp.

Thí dụ: Hoa sen thì theo thông lệ có thô và diệu. Thế nào là hoa đại thô không có quả, hoặc một hoa có nhiều quả, hoặc một hoa có một quả, hoặc quả trước hoa sau, hoặc hoa trước quả sau. Loại hoa đầu dụ cho hàng ngoại đạo tu phạm hạnh trống rỗng, không thu hoạch được gì. Kế đến dụ cho hàng phàm phu cung dưỡng cha mẹ để được quả báo của phạm thiên. Kế tiếp dụ cho hàng Thanh-văn tu các pháp khổ hạnh để chứng đạt Niết-bàn và hàng Duyên-giác tu hạnh viễn ly cũng đạt Niết-bàn. Kế tiếp dụ cho bậc Tu-đà-hoàn liền sau đó tu tập đạo hạnh. Kế tiếp nữa dụ cho hàng Bồ-tát trước tiên nhờ vào duyên tu rồi sau mới sanh khởi chơn tu. Đây đều là hoa thô nên không lấy đó làm thí dụ. Hoa sen có nhiều điều kỳ lạ tức làm sen và hoa. Hoa quả đầy đủ có thể dụ cho ngay nơi thật mà quyền. Lại nữa hoa nở, sen hiện có thể dụ nói ngay nơi quyền mà thật. Hoa rụng sen thành và sen thành cũng rụng có thể dụ nói chẳng phải quyền mà cũng chẳng phải thật. Như vậy, tất cả các nghĩa đều lấy hoa sen làm thuận tiện dụ nói đến Diệu pháp.

- Biện minh về Thể có bốn phần: Giải thích chữ, dẫn giải đồng, chọn lọc chẳng phải, kết luận chính xác. Chữ thể tức là nghĩa răn dạy, lễ, phép tắc, như bốn phận của người thân, con cái, vua tôi đều có lễ nghi phép tắc, nếu không có lễ phép thì trở thành trái pháp. Thể của pháp xuất thế cũng lại như vậy. Thiệt ác, phạm Thánh, Bồ-tát và Phật đều không vượt ngoài pháp tánh, cũng chính là chỉ ra Thật tướng, lấy đó làm chánh thể. Do đó trong phẩm Thọ Lượng nói “chẳng phải như ba

cõi mà thấy ba cõi” tức chẳng phải như chẳng phải khác. Người trong ba cõi thì thấy ba cõi là khác; hàng nhị thừa thấy ba cõi là như, Bồ-tát thấy ba cõi là cũng như, cũng khác; Phật thấy ba cõi chẳng phải như, chẳng phải khác và cùng chiếu thấu suốt như và khác. Nay chọn lấy Phật thấy Thật tướng làm chánh thể.

Kinh Kim Cang Tạng nói “Trí của Phật rất vi diệu, tuy ngôn từ có khác mà ý luôn đồng”. Nói ngôn từ khác nghĩa là: Không và có bất nhị, bất dị, bất tận. Vì “Không” chẳng phải đoạn chẳng phải, không có cho nên nói Không, và có. Có tức là không và Không tức là Có cho nên nói bất nhị. Do chẳng phải lìa Không và có mà bên ngoài riêng biệt có trung đạo cho nên nói: Bất dị. Do biến hiện khắp nơi cho nên nói: Bất tận. Điều này cũng giống như ý của Ngài Long Thọ trong Trung Quán Luận: Nhân duyên sanh ra pháp tức là Không tức là giả hợp, tức là trung đạo. Nhân duyên sanh ra pháp tức là Không, nghĩa là chẳng phải đoạn, không có. “Tức Giả hợp” nghĩa là bất nhị. “Tức Trung đạo” nghĩa là không khác. Nhân duyên sanh pháp là biến khắp tất cả mọi nơi. Nay nói thể của Thật tướng tức quyền mà thật là lìa khỏi sự hủy báng “đoạn, không có; tức thật mà quyền là, lìa khỏi sự hủy báng Kiến lập. Quyền và Thật tức chẳng phải Quyền và Thật là xa lìa khỏi sự hủy báng khác nhau. Cùng soi chiếu Quyền và Thật biến khắp mọi nơi là lìa khỏi sự hủy báng có tận. Đây chính là tổng quát nêu ra hai sự vi diệu của hai kinh, trình bày sự đồng nhất của hai luận, hiển bày lý huyền diệu gặp nhau của hai kinh, để làm sáng tỏ chánh thể của kinh này vậy.

Theo ý riêng, nói pháp Thật tướng là để phá trừ bốn chấp của phàm phu trên phạm vi hoành; (không gian, cảnh giới) phá chấp chứng đắc của ba bậc Thánh trên phạm vi thụ. (Thời gian kiếp số) Phá chấp của phàm phu thì chúng ta có thể hiểu được còn phá chấp của Thánh thì khó hiểu nên có thể giải thích như sau: Hai thừa thuộc Tam Tạng giáo tức chỉ lấy Không làm quả vị tối cực. Cũng giống như ngọc pha lê, một lần nhìn qua, tương tự như chân thật còn nếu nhìn kỹ thì đó là giả tạo. Thân Tử nói “chúng ta đồng vào pháp tánh nhưng làm mất vô tượng tri kiến của Như Lai” tức nêu ra ý chỉ thuộc Không và có nhằm phá vỡ chấp chứng đắc này. Người của Thông giáo “chỉ rõ chỉ có Không và không chỉ có Không “cùng làm nghĩa tối cực. Ví như châu báu có nhiều màu sắc mà biến hiện. Nhưng khi duyên ánh sáng của châu báu mất đi, thì thể vốn có của nó trở lại sắc màu vàng tối tức đọa lạc vào trong nhị thừa. Đại kinh nói: “Người Thanh-văn chỉ thấy Không mà không thấy Bất không. Người của Bồ-tát chẳng những thấy Không mà còn thấy cả

Bất không. Chỗ thấy đã khác biệt nên ý chỉ “bất nhị” chính đã phá chấp chứng đắc này. Người của Biệt giáo chỉ rõ Không, chỉ có Không làm chỗ tối cực mà còn lánh xa nhị biên, như mặt trăng ở ngoài mây, tuy xả bỏ các biên mà chấp lấy ở giữa; giống như xả bỏ Không lại cầu Không. Do vậy thiết lập tôn chỉ “bất dị” để phá chấp chứng đắc này. Nếu kia có, đây không có thì tôn chỉ của chánh pháp không thể khắp cho nên ý chỉ, “bất tận” cũng phá luôn chấp chứng đắc này”. Tất cả điều này đều chẳng phải trí tuệ thật sự vi diệu của Phật, chẳng đồng với ý của Kinh Kim Cang Tạng, chẳng phải tướng bản hữu thường trụ của Phật chứng đắc, chẳng đồng với phẩm Phương Tiện, chẳng biến khắp mọi nơi, chẳng đồng với phẩm Thọ Lượng. Đã không thể lãnh hội thì chánh thể nhiếp thuộc pháp nào? Nếu chỉ là Không chính là Thật của hóa tha; chỉ là Không và Không chỉ là “Không” là thật của tự hành và hóa tha thì vượt khỏi hai biên, trung đạo chính là quyền của tự hành, đều là sự trình bày thuộc kinh khác chứ chẳng phải chánh thể của kinh này.

Nay thể của kinh đây Quyền và Thật của hóa tha tức cũng là Quyền và Thật của tự hành. Cũng như cái thân thật sự bên trong lớp áo ngoài xấu rách chính là Trưởng giả. Quyền và Thật của tự hành hóa tha cũng chính là Quyền và Thật của tự hành. Cũng như bên trong áo buộc châu ngọc tức trở thành vô giá. Quyền của tự hành tức là Thật của tự hành cũng như tất cả nghiệp sản sanh đối trị của thế gian đều không trái nghịch với Thật tướng, một sắc một hương không gì không phải trung đạo, huống gì cái thật của tự hành mà chẳng phải thật sao?

* Nói rõ Tôn chỉ chia làm ba phần: Tôn chỉ, giản lược và kết luận. Tôn chỉ ấy là cương lĩnh, đó tức là Phật tự hành nhân quả, lấy đó làm tôn chỉ. Sao gọi là cương lĩnh? Vì vô lượng các pháp thiện nói là nhân tức thu nhiếp hết và vô lượng sự chứng đắc nói là quả tức thu nhiếp hết. Như nhắc cái lưới lên thì không mất lưới nào không lay động, kéo một góc áo, thì không một sợi vải nào không bị kéo theo. Cho nên tôn chỉ rất quan trọng. Tuy nhiên, các nhân quả thiện cần phải nhận thức rõ, đối với nhân quả của Biệt giáo còn không được chọn hướng hồ là nhân quả khác! Nhân quả khác tức là ba nhân xưa kia rất khác nhau, mà ba quả ít có giống nhau, hoặc ba nhân rất giống nhau mà ba quả ít khác nhau, hoặc một nhân lánh xa ra thì một quả không thể viên dung. Nhân không nhiếp thiện, thì quả không thu nhiếp công đức. Đây tức chẳng phải nhân tự hành của Phật cũng chẳng phải quả của Phật ngồi đạo tràng chứng đắc.

Giản lược là như các kinh nói rõ đức Phật xưa kia đã thực hành

nhân quả, thì thấy đều là “buộc phải thực thi” đều là phương tiện chứ chẳng phải tông chỉ chánh yếu của kinh này. Căn cứ ý đây để kết luận rằng nhân ấy thật tốt cùng của sự thực tu từ lâu xa, quả ấy thật tốt cùng của sự thực chứng từ lâu xa. Như sự tốt cùng, thì nhân trên phạm vi bề dọc bằng bảy loại phương tiện, trên phạm vi bề ngang (hoành) thì bao hàm cả mười pháp giới, mới tu hạnh của Thật tướng này thì gọi là nhân Phật, chứng đắc ở đạo tràng thì gọi là quả vị Phật, mà chỉ có thể lấy trí tuệ để nhận biết chứ không thể dùng lời nói diễn đạt đủ! Ở đây sơ lược nêu ra nhân quả như vậy lấy làm tông chỉ chánh yếu.

- Luận về Dụng có ba phần: Chỉ ra, giải lược và sự lợi ích. Dụng là sức lực của công dụng. Thật trí và Quyền trí; thuộc ba loại này đều là lực dụng. Trong lực dụng được phân chia làm hai trí của tự hành chiếu rõ lý. Do lý biến khắp cho nên gọi là lực. Hai trí của hai loại hóa tha xét rõ căn cơ và căn cơ biến khắp cho nên gọi là dụng. Nhưng hai trí của tự hành tức là hai trí của hóa tha, hai trí của hóa tha tức là hai trí của tự hành; việc chiếu soi rõ lý cũng là xét thấu căn cơ xét thấu căn cơ tức là chiếu soi rõ lý. Như Tát-Bà-tát-đạt giương cung của Tổ vương, có đủ sức kéo ra gọi là lực sức bắn ra trúng bảy trống sắt, xuyên qua một núi Thiết vi, thấu xuống đất, và Thủy luân gọi đó là Trăng. Các lực dụng của giáo phương tiện thì yếu kém như cung tên của phàm phu. Tại sao? Vì xưa kia duyên thọ theo hai trí hóa tha chiếu lý không khắp, sanh khởi niềm tin không sâu, đoạn trừ nghi không hết. Nay duyên thọ nhận hai trí của tự hành tức là đến cảnh giới tốt cùng của Phật, sanh khởi niềm tin ở pháp giới, làm tăng trưởng đạo viên mãn vi diệu, đoạn trừ căn bản Hoặc, làm mất đi sự biến dị sanh, chẳng những sanh thân và sanh thân đạt được Nhẫn, hai hạng Bồ-tát đều ích lợi cho Pháp thân mà hai loại Bồ-tát thuộc tâm sau của Pháp thân cũng có lợi ích đầy đủ. Công đức giáo hóa rộng lớn, lợi ích thấm nhuần sâu rộng, Đây chính là lực dụng của kinh.

- Nói về tướng trạng của Giáo có ba phần: 1. Căn tánh có tướng viên dung và không viên dung; 2. Sự giáo hóa đạo có tướng thủy chung và không thủy chung; 3. Thấy và đệ tử có tướng xa gần và không xa gần.

Giáo là những ngôn từ của Thánh nhân mang đến cho chúng sanh thấp kém. Tướng trạng là phân biệt đồng và khác. Sao gọi là phân biệt? Ví như mặt trời xuất hiện, ban đầu chiếu lên ở núi cao, nếu thiện căn đã gieo trồng được sâu dày thì chiếu cảm được Đốn giáo. Đốn giáo vốn không phải là giáo nghĩa của Tiểu thừa. Tiểu thừa tuy ngồi trong hội

pháp nhưng như người câm, điếc không thể kham nhận nghe giáo nghĩa Đại thừa, cũng tức là Đại thừa ngăn cách với Tiểu thừa, đây như giáo thuyết Hoa Nghiêm, căn cứ ở duyên của pháp mang đến. Nếu duyên mà được lợi ích lớn thì gọi là tướng Đốn giáo. Nếu xét theo giáo thuyết thứ tự thì gọi là tướng của vị sữa bò mới vắt ra. (Nhũ) Kế đến mặt Trời chiếu đến nơi hang tối, mức độ thực hành thiện căn thiện cận, nhận định thiên lệch, nên phải từng phần, từng bước giải thích, đây như Tam Tạng giáo. Giáo thuyết này vốn không vì hạng Đại thừa. Đại thừa tuy tại tòa Đa-di-bà hòa hợp nhưng ít điều nào mà không biết. Đây là Tiểu thừa ngăn cách với Đại thừa nhưng Đại thừa ẩn trong Tiểu thừa. Do căn cứ ở pháp bị duyên chi phối nên gọi là tướng của Tiệm giáo, xét theo giáo thuyết có thứ tự nên gọi là tướng của vị sữa Lạc (đặc). Tiếp theo mặt trời chiếu đến đất bằng, bóng soi muôn dòng nước, lần lượt vạn vật vuông tròn bày ra tùy theo sóng nước, động hay tĩnh, tức chỉ ra một cõi Phật, khiến cho thấy tịnh uế có khác, chỉ rõ một thân hiện tại lớn nhỏ chẳng đồng; một âm nói pháp thuận theo các loài chúng sanh đều hiểu. Bởi vì sợ hãi, vui mừng, chán lìa, đoan nghi với thần lực không cùng cho nên thấy có tịnh và uế, nghe có đủ có thiếu, ngửi có mùi hương chiêm bặc, hay không có, hoa có thân hoa nở thân không nở, trí tuệ có nhường ấy và không có nhường ấy v.v... Đây như giáo thuyết Tịnh danh và Phương đẳng. Căn cứ ở pháp bị duyên chi phối cũng là Tiệm giáo, nếu xét theo nói thứ tự là tướng của vị Sanh tô (sữa sống). Lại còn có nghĩa sau: Người lớn (căn Đại thừa) được nương nhờ lực dụng ánh sáng, các trẻ con làm mất đi trông mắt, người đi trong đêm thì ẩn nấp trốn tránh, người làm việc có thể phát khởi thành tựu. Văn trong kinh nói: “Chỉ vì Bồ-tát nói lên sự thật ấy mà không vì chúng con nói sự chơn yếu ấy” mặc dù ba người đều học, nhưng hạng nhị thừa nắm lấy quả chứng đầy đủ như Đại Phẩm nói. Nếu căn cứ pháp bị duyên chi phối thì gọi là Tiệm giáo. Nếu xét theo nói thứ tự thì gọi là tướng của vị Thực tô (sữa chín). Lại có nghĩa: Ánh sáng mặt trời chiếu khắp trên dưới tất cả đều bình đẳng: Đất núi đều nhận được hình ảnh ánh sáng không dư không thiếu. Như trong Kinh nói: Hoặc cú đầu, cát tiếng niệm nhỏ, hoặc thiện vi tế, tâm tán loạn... hết thảy đều thành Phật đạo không khiến có người riêng đạt được diệt độ, mà đều lấy sự diệt độ của Như Lai để diệt độ”. Nếu căn cứ pháp bị duyên chi phối thì gọi là Tiệm Viên giáo. Nếu nói thứ tự thì gọi là tướng của vị sữa Đề hồ. Nên biết, nghĩa thí dụ của Hoa Nghiêm và Niết bàn đồng nhau. Thí dụ về ba người con, ba phẩm ruộng, ba ngựa, ba xe v.v... đều trước hết nêu ra Bồ-tát và kế đến là hàng Nhị

thừa và sau đó tức nói lên phàm Thánh đều bình đẳng v.v...

Hỏi: Đã dùng năm vị để phân biệt sao đồng gọi là Tiệm?

Đáp: Do căn cứ dần dần (Tiệm) mà được trình bày năm vị. Lại nữa, nếu Tiểu thừa không nghe Đại thừa thì Đại thừa hoàn toàn là Đốn giáo, hoặc Đại thừa không dùng Tiểu thừa, thì Tiểu thừa hoàn toàn là Tiệm giáo. Nếu dùng Đại thừa phá Tiểu thừa thì Tiệm giáo và Đốn giáo đều cùng nêu ra. Nếu “đeo mang” Tiểu thừa để nói rõ Đại thừa thì Tiệm giáo và Đốn giáo giúp lẫn nhau. Nếu đi vào Tiểu thừa, quay về Đại thừa thì Tiệm Đốn dần dắt nhau hòa hợp. Kinh Vô Lượng nghĩa nói “hai pháp Tiệm và Đốn, ba đạo và bốn quả đều không hợp”. Thời Pháp Hoa này nêu ra hợp nhất làm nghĩa này. Hỏi: Sao gọi là giúp lẫn nhau? Đáp: Tiểu thừa nghe giáo Đại thừa sanh tâm hổ thẹn nên luyến mộ Đại thừa đó gọi là Đốn giáo giúp cho Tiểu thừa. Đức Phật bảo Thiện Cát chuyển biến giáo Đại thừa nhằm đem lại lợi ích cho các hàng Bồ-tát tức là Tiệm giáo giúp cho Đốn giáo. Như sự phân biệt ở trước, chỉ dựa theo trên nghĩa hiện rõ, trình bày tướng của năm vị, nếu luận theo nghĩa “bất định” thì không phải như vậy. Tuy mặt trời chiếu lên núi cao nói Đốn giáo, ở đạo tràng tịch tĩnh, bất động nhưng đi du hóa ở vườn Lộc uyển. Tuy nói sanh diệt Tứ đế nhưng không chướng ngại bất sanh bất diệt. Tuy vì Bồ-tát nói cảnh giới của Phật mà có Trí Đạo của Nhị thừa. Tuy nói năm hạng người chứng quả mà không chướng ngại tám vạn chư thiên đạt được “Vô sanh pháp nhẫn”. Nên biết, tuy nói Đốn giáo mà là Tiệm giáo, nói Tiệm giáo tức là Đốn giáo. Đại kinh nói “Hoặc có thời giáo sâu xa, hoặc có thời giáo nông cạn, nên hỏi tức là ngăn và ngăn tức là hỏi. Trong một thời, một lời nói, một niệm đều có đầy đủ pháp bất định không giống như nghĩa cũ. Việc chuyên phán quyết trong mỗi một vị của một bộ thầy đều giống như đây. Đây chính là nghĩa hiển bày, bất định. Tuy nhiên nghĩa bí mật bất định không phải như vậy. Vì Như lai ở nơi pháp mà đạt được sự tự tại tối thượng cho nên hoặc trí, hoặc căn cơ, hoặc thời, hoặc xứ, ba thứ bí mật, bốn môn đều không ngăn, không ngại. Ở hội tòa này thì nói Đốn giáo, ở hội mười phương thì nói Tiệm giáo nói bất định. Ở hội Đốn giáo không thể nghe như ở hội mười phương, mười phương không thể nghe như hội giáo hoặc mười phương nói Đốn giáo và nói bất định. Ở hội tòa này nói Tiệm giáo, mỗi mỗi hội cũng đều không thể biết lẫn nhau. Ở hội này là hiển bày, ở kia là bí mật. Hoặc vì một người nói Đốn giáo, hoặc vì nhiều người nói Tiệm giáo, nói bất định, là hoặc vì một người nói Tiệm giáo hoặc vì nhiều người nói Đốn giáo tức mỗi mỗi không thể biết lẫn nhau, mà lẫn nhau

nói hiển bày và bí mật. Hoặc có hội trên tòa một mình im lặng, có hội ở mười phương diễn thuyết, hoặc mười phương không nói, một mình trên tòa tự nói ra, hoặc có nơi vừa im lặng, vừa có nói ra, tất cả đều không thể biết mà hổ tương nói ra hiển bày, và bí mật. Tuy lại như đây nhưng cũng chưa nói hết được lực tự tại của Như Lai đối với pháp, mà chỉ có thể dùng trí để biết, không thể dùng lời nói luận bàn. Tuy có rất nhiều pháp nhưng cũng không ra ngoài phạm vi của Tiệm giáo, Đốn giáo và bí mật bất định. Nay kinh Pháp Hoa là giáo hiển bày ra chẳng phải bí mật, là Tiệm Đốn chẳng phải Tiệm Tiệm, là hợp chẳng phải không hợp, là vị đề hồ chẳng phải bốn vị, tướng là định chẳng phải bất định. Như phân biệt kinh này cùng với các kinh có sự khác nhau. Lại nữa khác là chỉ cho các giáo pháp kia ứng theo căn cơ, lợi ích cho chúng sanh, mà không thể diễn bày được ý giáo hóa của Như Lai. Kinh này nói rõ Phật thiết lập giáo vốn bắt đầu khéo léo vì chúng sanh mà tạo nên các chủng tử Đốn giáo, Tiệm giáo, Hiển bày, Bí mật, trong thời gian giữa đó lấy năm vị của Đốn giáo và Tiệm giáo để điều phục, nuôi lớn, thành thực chủng tử đó tiếp tục dùng năm vị. Đốn Tiệm mà độ thoát. Cùng độ thoát, cùng thành thực, cùng tạo nên chủng tử các phen thực hiện không ngưng nghỉ với uy lực mạnh mẽ của Phật suốt trong ba đời đều làm lợi ích cho chúng sanh; đầy đủ như Phẩm Tín Giải nói cho nên khác với các kinh. Lại nữa các kinh đều nói rằng: Đức Phật thành đạo ở cội Bồ-đề, mới bắt đầu viên mãn Thực trí, nơi bắt đầu khởi thi Quyền trí. Nay kinh đây chỉ rõ Thật trí và Quyền trí của bậc đạo sư đã viên mãn từ rất lâu xa, trước khi ở cội cây Bồ-đề. Các kinh lại nêu ra đệ tử thuộc hàng nhị thừa không thể hội nhập Thật trí, cũng không thể thực thi Quyền trí. Kinh này nói rõ đệ tử hội nhập Thật trí rất lâu xa, cũng trước đó đã hiểu và thực hành Quyền trí. Vả lại, các kinh còn không thể luận Quyền trí, Thật trí của đức Phật và đệ tử đã có trong thời gian rất gần trước, khi thành đạo ở cội Bồ-đề, huống hồ có thể luận sự viên mãn Quyền, Thật ở thời gian trước đó rất xa! Nay kinh nêu ra trước khi ngồi ở đạo tràng Phật đã chứng đạt Thật trí và Quyền trí rất lâu xa, số Bồ xứ khắp thế giới còn không biết được hưởng hồ là số như vi trần! Kinh nói “chỗ xưa kia chưa từng nói mà nay đều được nghe”. Đức Phật ân cần, khuyên nhủ, khen ngợi là bởi vì lý do ấy. Vì thế, nên biết, kinh này khác với các giáo.

II. DẪN CHỨNG:

Tức là như văn kinh nêu ra ngài Văn Thù đáp lại câu hỏi của đại chúng “Tôi thấy Phật Đấng Minh, xưa phóng đạo hào quang, giống

điềm lành hiện nay, vì thế biết Phật nay muốn nói kinh Pháp Hoa. Đầu chỉ có hai vạn ức đức Phật đồng hiệu Đại Thông Trí Thắng và năm vị Phật trong ba đời đều nói kinh Pháp Hoa?! Văn kinh nói nay Phật phóng hào quang để trợ duyên phát khởi nói nghĩa Thật tướng. Lại nói: “Nghĩa Thật tướng của các pháp đã vì các ông mà nói”. Lại nói rằng: “Đó là chỗ tôn trọng của vô lượng chúng tặc vì nói pháp ấn Thật tướng”. Điều này cũng đồng với xưa nay lấy Thật tướng làm thể. Văn kinh nói “Đức Phật sắp rưới xuống mưa pháp lớn, khiến cho người cầu đạo được đầy đủ, tức là mưa pháp của sự hội nhập ba Thừa trở về một Thừa khiến người cầu nhân thành Phật được đầy đủ; cho đến tất cả thừa đều được hội nhập khiến cho đầy đủ. Hoặc mưa pháp của sự mở bày nghĩa gần, chỉ rõ nghĩa xa tức khiến người cầu quả vị Phật được viên mãn. Văn kinh nói “Những người cầu ba thừa nếu có nghi hối thì Phật sẽ vì họ mà đoạn trừ nghi khiến dứt sạch hết không còn sót lại”; Lại nói: “Pháp của chư Phật đã lâu rồi, sau quyết sẽ nói chơn thật” tức là nêu ra sự đoạn nghi của ba thừa, năm thừa, bảy phương tiện, chín pháp giới v.v...nhằm khiến đều sanh tín tâm. Đây là chứng minh rõ công dụng của kinh. Lại nữa, trong phẩm Như Lai Thần Lực nói “Đức kết ý chính mà nói, tất cả pháp của Như Lai có, tất cả thần lực của Như Lai, tất cả tạng bí yếu của Như lai, tất cả việc rất sâu của Như Lai đều được tuyên bày rõ trong kinh này” Nói rõ tất cả pháp là tất cả pháp thuộc Quyền trí và Thật trí đều được thu nhiếp trong kinh này. Đây là chứng minh tên kinh. “Tất cả thần lực” tức là lực dụng ở trong tâm gọi là “tự tại” lực dụng ở bên ngoài. Gọi là “Thần lực” tức là chứng minh rõ công dụng. “Tất cả tạng bí yếu” tức chẳng phải pháp khí thì chớ có trao truyền vì bí mật chánh thể làm trọng yếu. Do chỗ dung chứa tất cả mà không có tích tụ nên gọi là tạng. Đây là chứng minh rõ thể. “Tất cả việc rất sâu của Như lai” vì nghĩa Thật tướng gọi là rất sâu, vì Thật tướng tu nhân gọi là nhân rất sâu, Thật tướng cứu cánh gọi là quả rất sâu. Lại nữa trong phẩm Pháp sư nói “Nếu có người nào nghe kinh này mới là khéo thực hành nhân sâu xa của Bồ-tát đạo, người cầu Phật đạo đều ở trước ta nghe kinh Pháp Hoa dù một câu cho đến một niệm tùy hỷ, ta đều thọ ký cho đó. Cho đến chỉ bằng giây phút nghe, lập tức được quả vô thượng Bồ-đề. Đây là chứng minh rõ tông chỉ. Sở dĩ dẫn ra hai đoạn văn là vì sự việc của Phật xưa quyết định nên nêu ra tóm lược để giải thích nghi sự việc của Phật nay; nêu ra tóm lược xong để phó chúc. Ở khoảng trung gian chính là vì căn cơ thích hợp mà rộng thuyết nên không có dẫn chứng đó thôi. Nếu dẫn ra thì khai, thị, ngộ, nhập chính là thuộc hai văn này.

Vì việc nhân duyên lớn nên mới chứng rõ tên gọi. Tri kiến của Phật là chứng minh Thế. Khai, thị, ngộ, nhập là chứng minh rõ tông chỉ. “Vì khiến cho chúng sanh” là chứng minh rõ công dụng. Kinh này chứng minh giáo khác với các kinh là vậy.

Lại nữa, trong phẩm Dược Vương nêu ra mười thí dụ để khen ngợi giáo nhưng nay chỉ dẫn ra sáu thí dụ: rộng như biển, cao như núi, tròn như mặt trăng, chiếu sáng như mặt trời, tự tại như Phạm vương, tối cực như Phật. Biển là nơi thâm sâu cho vạn dòng công đức quy tụ mà đồng một vị mặn. Pháp Hoa cũng như vậy. Phật đã chứng đắc vạn thiện đồng quy tụ, đồng một thừa là Phật thừa. Các sông hồ, kênh rạch, không có đức lớn này, tức nêu ra các kinh khác cũng thế. Cho nên, kinh Pháp Hoa này rộng sâu trên hết. Cũng như núi Sơn Vương cao nhất, do bốn báu tạo thành, toàn là chư thiên lấy đó làm nơi cư trú, kinh Pháp Hoa này cũng như vậy, là đứng đầu trong bốn vị giáo, lìa khỏi bốn sự hủy báng, “khai, thị, ngộ, nhập chỉ thuần là một căn, một duyên, một đạo vị, vì thuần là Bồ-tát không có đệ tử Thanh-văn. Mặt trăng có thể khuyết, tròn, khuyết rồi dần dần tròn ra, kinh Pháp Hoa này cũng vậy, đồng thể với Thật trí và Quyền trí, quy tụ Tiệm giáo nhập vào Đốn giáo. Đèn đuốc, sao trăng cùng trụ ở với bóng tối giống như các kinh còn có đạo quả của hai thừa cùng tồn tại với Tiểu thừa. Như mặt trời có khả năng phá tan bóng tối, kinh Pháp Hoa phá Hóa thành trừ bỏ “am cỏ”. Lại nữa, mặt trời chiếu sáng át cả ánh sáng sao trăng, kinh Pháp Hoa quét sạch vết tích và loại trừ phương tiện. Chuyển Luân Vương ở trong bốn thành thường tự tại, Đế Thích Phạm vương ở trong cõi Tam thập tam thiên (ba mươi ba tầng trời) thường tự tại, Đại Phạm thiên ở trong ba cõi thường tự tại, các kinh hoặc hướng về với Tục đế, hoặc Chơn đế thường tự tại, hoặc đối với trung đạo thường tự tại nhưng chỉ riêng biệt tự tại mà không phải đại tự tại. Nay kinh này viên dung cả ba đế, đạt đến sự tự tại tột đỉnh. Thí dụ Đại phạm vương tức các kinh khác cứu chúng sanh thoát ra khỏi sanh tử; như năm chúng đệ tử Phật đối với phàm phu là bậc nhất, hoặc khiến chúng sanh ra khỏi Niết-bàn; như đối với bậc Vô học, Bồ-tát là tối thượng. Nay, Kinh đây cứu chúng sanh ra khỏi sanh tử, Niết-bàn, vượt qua giáo phương tiện, bên trên các Bồ-tát mà thành tựu Pháp vương tối thắng bậc nhất. Nay dẫn ra các thí dụ ấy để nói rõ tướng giáo rộng lớn nhất theo đó mà biết Dụng, Tông, Thể, Danh của kinh này cũng lớn như biển, cảnh trí cho đến sự lợi ích cũng lớn như biển. Tướng giáo như núi cao vượt lên trên bốn vị giáo thì Dụng, tông, thể, danh, cảnh trí và sự lợi ích cũng lại như vậy. Tướng giáo như mặt

Trăng có khuyết, tròn, đầy đặn thì Dụng, Tông, Danh, Thể, cảnh trí, và sự lợi ích cũng lại như vậy. Tướng giáo phá Hóa thành thì Dụng, Tông, Thể, Danh, cảnh trí và sự lợi ích cũng lại như vậy. Tướng giáo tự tại các điều khác cũng tự tại như vậy. Tướng giáo là vua trong các vua thì các mục khác cũng lại như vậy. Ở đây, không những dẫn văn, chứng minh giáo, mà các sự khác cũng thành tựu vậy.

III. “SANH KHỞI”:

Nghĩa là “năng sanh” làm sanh, còn “sở sanh” làm khởi. Năng sở trước sau có thứ tự thô, tế nhưng không trái nghịch nhau. Sở của Ngài tăng Triệu nói “Tên gọi không có công năng giới thiệu vật, vật thật sự không thích ứng tên gọi. Không có tên gọi, không có vật mà vật và tên gọi đều an trụ. Đó bởi là ý Vô tướng trong Đệ-nhất-nghĩa vậy. Tuy nhiên, Thế đế để nói ra, không có tên gọi thì không lấy gì diễn tả rõ pháp, cho nên ban đầu giải thích tên gọi. Tên gọi để đặt tên cho pháp, pháp chính là Thể, nên tìm hiểu tên gọi là nhận biết Thể; Thể không phải tông chỉ thì không thể lãnh hội. Lãnh hội thể tự thực hành đã viên mãn thù khởi lên Dụng theo Thể dẫn dắt làm lợi ích cho chúng sanh. Lợi ích đã nhiều nên phải phân biệt tướng giáo. Trong phẩm Thần Lực căn cứ theo giáo nghĩa thứ tự, nói tất cả pháp vốn đều là Phật pháp. Đại kinh nói “Tất cả Thế đế nếu đối với Như Lai chính là Đệ-nhất-nghĩa đế. Vì chúng sanh điên đảo nên cho đó chẳng phải là Phật pháp”. Nay nói rõ lời nói chỉ ra Đệ-nhất-nghĩa đế nên nói “tất cả pháp”. Nghĩa là muốn nói pháp này trước hết dùng thần lực làm xao động tâm kinh hãi nên nói “Tất cả thần lực tự tại”. Đã thấy thần thông biến hóa nên liền tỉnh ngộ mà khát ngưỡng được nghe thuyết giáo. Do giáo nói rõ Thật tướng cho nên nói tạng bí mật. Do thọ nhận giáo mà tu hành tức có nhân quả cho nên nói: Sự việc rất sâu; để phân biệt bốn nghĩa cùng kinh khác có đồng và khác nên tiến đến nói rõ tướng giáo. Trong phẩm Tựa căn cứ theo “hành thứ tự”. Ban đầu quyển kinh nêu ra: Nếu có thiện tri thức có chỗ nghe thấy tức là nghe danh hiệu của kinh. Nhờ nghe được tên kinh cho nên mới khiến lý thể hiển bày, vì hiển bày thể mà cần thực hành. Và hành tức là tôn chỉ của nhân quả. Thực hành chính mình loại bỏ mê hoặc đồng thời làm lợi ích cho chúng sanh nên gọi là công dụng. Đây là phân Biệt tướng giáo có đồng và khác. Nên biết khai, thị, ngộ, nhập cũng do theo thứ tự của hành. Pháp vốn không có mở và đóng nhưng nay nêu ra là vì khai mở môn phương tiện. Do nghe tên kinh này chỉ ra thể tướng chơn thật khiến từ mê mà được nhân ngộ. Do nhân ấy cho nên ngộ được tôn chỉ của quả. Nhờ vào sự hiểu ngộ cho nên tự mình thâm

nhập và khiến người khác cũng thâm nhập vào công dụng. Đây là phân biệt giáo đồng và khác. Nay năm nghĩa ấy nương vào phẩm Tựa để kết hợp nêu ra thứ tự của hành.

IV. “KHAI VÀ HỢP” tức là giải thích năm chương trong một bộ kinh để phân ra mỗi thứ riêng biệt khiến người đọc dễ hiểu. Trong đó bao gồm có ba thứ khai hợp nghĩa là năm và mười loại thí dụ. Ban đầu giải thích tên kinh thông suốt luận về sự và lý còn dụng và tông chỉ luận về sự, tướng giáo phân biệt rõ sự và lý, Giải thích tên kinh thông suốt nói về giáo hạnh, hiển bày thể chẳng phải là giáo cũng chẳng phải là hạnh; dụng tông chỉ luận về hành, tướng giáo chỉ luận về giáo. Giải thích tên kinh thông suốt nói nhân quả; hiển bày thể chẳng phải là nhân cũng chẳng phải là quả, Tông chỉ luận nhân quả của mình, Dụng luận nhân quả dạy người, tướng giáo phân biệt các pháp trên đây. Giải thích tên kinh, thông suốt luận về tự hành và hóa tha. Thể chẳng phải “tự” cũng chẳng phải “tha”. Tông là tự hành và Dụng là hóa tha. Còn tướng giáo là phân biệt tự và tha. Giải thích tên thông suốt luận về nói và im lặng. Thể chẳng phải lời nói cũng chẳng phải im lặng. Tông là im lặng mà Dụng là nói. Tướng giáo phân biệt v.v... Mười loại thí dụ tức là: Giải thích tên nhằm tổng quát luận về ba nguyên tắc. Thể, Tông, Dụng triển khai đối với ba quy tắc. Tướng giáo phân biệt ba quy tắc ấy. Giải thích tên là tổng quát luận về ba đạo, Tông, Thể, Dụng triển khai đối với ba đạo. Tướng giáo phân biệt ba đạo cho đến việc giải thích tên thứ mười là tổng luận về ba đức; Thể, Tông, Dụng triển khai đối với ba đức. Tướng giáo phân biệt ba đức ấy v.v... Thí dụ giống như tổng gọi là thân người, triển khai thân này tức có Thức, Mạng và Noãn (hơi ấm). Phân biệt các thân, là sang, hèn hiền, ngu mỗi thứ đều có sai biệt. Thân người thí dụ như Danh, Thức là thí dụ như Thể. Mạng thí dụ như Tông, Noãn thí dụ như Dụng, phân biệt thí dụ như tướng giáo v.v...

V. “GIÀN LƯỢC”

Tức là: Nếu vì sen mà có hoa, thì hoa quả hẳn nhiên đồng thời đều có. Vậy sẽ không rơi vào trong nhân mà có quả chẳng?

Đáp: Trong nhân có quả là nương theo tà pháp, cách chữa bệnh cũ, nó đã bị giáo nghĩa đầu tiên phá bỏ, còn chẳng phải nghĩa Thật và Quyền thô sơ hướng hồ là nhân quả vi diệu, cách trị bệnh mới bằng sữa pháp chân thật ư!

Hỏi: Hoa là dụ cho pháp Quyền mà Quyền là pháp của Tiểu thừa thì không thể thích ứng “thảo am”. Nếu “thảo am” đã bị phá thì tại sao lại lấy hoa dụ cho Quyền?

Đáp: Tiểu thừa là pháp Quyền (biến) của giáo hóa người cho nên phải phá bỏ. Nay nêu ra pháp Quyền của tự hành nên mới lấy hoa làm thí dụ.

Hỏi: Trong văn kinh từ thí dụ nhà lửa đến thí dụ “trị bệnh cho con” gồm có bảy thí dụ thấy đều không nói rõ hoa sen, vậy tại sao lấy hoa sen làm đề tựa?

Đáp: Bảy thí dụ là riêng biệt còn hoa sen là tổng quát. Do nêu ra tổng quát để thu nhiếp riêng biệt cho nên đặt đứng đầu.

Hỏi: Tất cả pháp đều là Phật pháp tại sao ý giản lược Quyền mà giữ lấy Thật làm thể?

Đáp: Nếu khai mở Quyền để hiển bày Thật thì các pháp đều là thể. Nếu phế bỏ Quyền trí, hiển bày Thật thì như chỗ trước đã hỏi.

Hỏi: Tại sao song song dùng nhân quả làm Tông?

Đáp: Do nhân đưa đến quả và quả là chỗ thành của nhân. Nếu từ chủ thể thành tựu (năng biện) thì lấy nhân làm Tông, nếu từ đối tượng được thành tựu (sở biện) thì lấy quả làm Tông. Hai nghĩa này vốn nương nhau mà thành tựu không được chọn riêng một. Vả lại hai văn kinh nói về Bản, Tích đều nêu ra đầy đủ nhân quả.

Hỏi: tại sao luận về tông thì giản lược nhân quả của hóa tha nói rõ dụng thì đều chọn Quyền, Thật của tự và tha?

Đáp: Tông luận về tự hành nên phải giản lược tha. Do công dụng làm lợi ích cho người cho nên cùng chọn lấy tự và tha.

Hỏi: Dụng là hóa tha thì cũng không nên có Quyền, Thật của Tự hành?

Đáp: Vì muốn đem lại tự lợi và lợi tha.

Hỏi: Và Tông cũng phải vậy. Do nhân quả của tự hành và hóa tha vì thế phải chọn lấy “tha”?

Đáp: Nhân quả của hóa tha không thể đạt được Bồ-đề của Phật cho nên không chọn lấy.

Hỏi: Và Dụng Thật và Quyền của tha cũng không thể khiến chúng sanh (tha) đạt đến quả tốt cùng cũng không thể thích ứng nhận lấy?

Đáp: Vì chúng sanh thích nghi, cần lợi ích này cho nên mới giữ lấy.

Hỏi: Tông, Dụng đều nói rõ Trí, Đoạn, như thế nào phân biệt?

Đáp: Tự hành lấy Trí đức làm Tông và Đoạn đức làm Dụng. Nếu Trí, Đoạn của tự hành và hóa tha đều làm Tông thì Trí, Đoạn của hóa tha đều làm dụng.

Hỏi: Cớ sao nêu ra năm chương mà không phải là bốn hay sáu?

Đáp: Dù có thiết lập bốn hay sáu cũng khiến sanh khởi nghi ngờ rơi vào nghi vấn vô cùng, chẳng đúng.

Hỏi: Các kinh mỗi bộ đều có ý khác nhau cơ sao chỉ nêu ra năm nghĩa để giải thích các kinh?

Đáp: Nếu mỗi bộ kinh giải thích riêng biệt thì chỉ có sự biệt lập mà không có sự đồng nhau. Nay cùng luận về năm nghĩa để nêu ra sự đồng nhau nhưng không mất đi cái riêng biệt của chúng.

VI. NÓI RÕ VỀ QUÁN TÂM:

Từ phần nêu ra chương cho đến giản lược thấy đều nói rõ sự quán xét tâm. Tâm như ánh nắng hắt lên, huyền hóa chỉ có danh tự nên gọi đó là tâm. Vừa nói tâm này có, thì chẳng thấy sắc chất đâu; vừa nói tâm này không có, thì suy tưởng, lo nghĩ lại khởi lên, không thể tư duy đo lường tâm này có hay không! Cho nên, gọi tâm đó làm Diệu. Tâm diệu đáng làm khuôn mẫu, xứng hợp với khuôn mẫu ấy là pháp. Tâm và pháp chẳng phải Nhân, chẳng phải Quả, mà có thể như Lý quán, chính là thành tựu Nhân Quả. Đó gọi là Liên Hoa (hoa sen).

Do nhất tâm thành tựu quán mà chuyển hóa tâm khác nên gọi là kinh. Giải thích xong tên kinh thì Tâm vốn không có tên cũng không phải vô danh, tâm và danh không sanh cũng lại không diệt. Tâm tức là Thật tướng. Quán ban đầu làm nhân, quán thành tựu làm quả. Vì quán tâm cho nên “Ác giác” không khởi, các tâm số trần lao hoặc đồng hoặc khác đều được giáo hóa mà chuyển biến. Đó gọi là quán tâm nêu ra năm chương.

Quán tâm dẫn chứng thì như trong Thích Luận nói “Một ấm gọi là sắc và bốn ấm còn lại gọi là danh. Tâm chỉ là danh”. Đại kinh nói “năng quán tâm tánh gọi là thượng định và thượng định là “Đệ-nhất- nghĩa định”, tức chứng minh tâm là thể. Đại kinh nói “hễ có tâm thì đều sẽ đạt đến tâm Bồ-đề tức là tôn chỉ”. Kinh Di Giáo nói “Chế phục tâm lại một chỗ thì không có việc gì là không thành” tức tâm là dụng. Thích Luận nói “Ba cõi không có pháp riêng biệt mà chỉ có một tâm. Tâm tạo tác có thể sinh vào địa ngục, thiên đường, phàm phu hoặc Thánh hiền. Giác ngộ quán tâm đó là nguồn gốc của lời nói vì tâm phân biệt đối với tâm, chứng tâm tức là tướng giáo.

Quán tâm sanh khởi tức là đem tâm quán tâm. Do có năng quán tâm nên có cảnh sở quán. Do quán cảnh kế hợp cho nên từ tâm mà được giải thoát. Nếu nhất tâm thì được giải thoát có thể khiến cho tất cả tâm số cũng được giải thoát. Phân biệt tâm vương và tâm sở đồng khởi, riêng khởi v.v... tức là tướng giáo.

Quán tâm khai và hợp thì tâm là nguồn gốc của các pháp, là tổng quát. Ở đây riêng biệt nói tâm có ba loại. Tâm phiền não có ba chi. Tâm khổ quả có bảy chi. Tâm nghiệp có hai chi. Tâm khổ tức là Pháp thân, là thể của tâm. Tâm phiền não tức là Bát-nhã là tôn chỉ của tâm. Tâm nghiệp tức là giải thoát là dụng của tâm tức khai tâm làm ba thứ. Tâm phân biệt mười hai nhân duyên sanh tức có sự sai biệt trong sáu đường. Tâm phân biệt nếu diệt tức có bốn Thánh đế cao thấp. Đây tức là tướng giáo kiêm luôn cả khai và hợp.

Quán tâm giản lược tức là như hỏi rằng: Sự hiểu biết đã đầy đủ, đâu phiền cần đến quán tâm? Đáp: Đại Luận nói: Phật vì người tin thực hành mà lấy cây làm thí dụ, vì người dùng pháp thực hành mà lấy thân làm thí dụ”. Nay cũng như vậy, vì người theo văn chữ mà dựa theo sự để giải thích, vì người tọa thiền nên tạo ra việc quán tâm mà giải thích. Lại nữa Luận đưa ra bốn câu để bình phẩm: Nếu có trí tuệ mà không có đa văn thì không biết được Thật tướng tương tự như ở trong chỗ tối tăm dù có mắt cũng không thể thấy được. Nếu có đa văn mà không có trí tuệ cũng không biết được Thật tướng, giống như trong chỗ sáng tỏ có đèn thấp lên mà không chiếu rõ được. Nếu vừa có đa văn vừa có trí tuệ lanh lợi, thì giáo pháp đều thuận theo tiếp nhận. Nếu không có đa văn và không có trí tuệ thì gọi là thân người nhưng đốt nát tự trâu. Nay khiến cho quán đều nêu ra nghĩa kiêm tu cả đa văn và trí tuệ. Trong Bách Luận có nêu ra thí dụ về một người vừa mù vừa què tức nhằm chỉ cho hai lãnh vực trên bị thiếu khuyết. Mâu Tử cũng có nói về nghĩa “nói và làm” (Thuyết Hành). Kinh Hoa Nghiêm nói “thí như người bần cùng, đêm ngày ngồi đếm vật báu của người khác mà tự bảo thân mình không có lấy một xu” để nói lên sự sai lầm chỉ có nghe vậy v.v... Văn kinh nói “chưa được mà cho là được, chưa chứng mà cho là chứng” tức là nêu ra lỗi lầm quán thiên lệch. Vì sao? Vì thấy nghe mà tán loạn cũng như đèn treo trước gió tuy chiếu sáng vật mà không rõ. Nếu chỉ nghe lỗ tai rồi đến miệng đi ra thì đều không thể trị tâm được, chỉ tự cho mình đúng, lấn át người, tăng tà kiến, lớn thêm điều quấy. Như tự cầm dao làm tổn thương mình, rồi lôi kéo nhau vào đường ác. Bởi vì người ấy không huân tập quán vậy.

Nếu người quán tâm cho rằng tức là tâm, mà tâm này đã chính là bình đẳng với Phật, nên đều không suy tâm Kinh, Luận thì sẽ rơi vào tăng thượng mạn. Đây tức là như nắm lấy bó đuốc để tự đốt mình, đi theo vào con đường ác, bởi vì không huân tập nghe. Nếu muốn thoát khỏi “bần cùng” thì phải chuyên cần sử dụng ba pháp quán. Nếu muốn

thoát khỏi sự thượng mạn thì phải nghe sáu pháp “tức”. Tướng thế gian thường trụ chính là “lý tức”. Đối với chư Phật trong quá khứ nếu có nghe một câu” chính là “danh tự tức”. Tùy hỷ tin sâu xa là “quán hành tức”. Sáu căn thanh tịnh là “tướng tự tức”. An trú trong thật trí là “chứng phần tức”. Chỉ có Phật cùng Phật mới rốt ráo Thật tướng chính là “cứu cánh tức”. Nhờ tu tập Quán chiếu nội tâm thì có hai thứ tài thí và pháp thí bình đẳng, Chánh tín nghe bên ngoài mà không có tăng thượng mạn. Mắt tuệ đã soi rõ, lắng nghe lợi ích đầy đủ thì sao lại không đạt được quán, hiểu ư!

